



BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
TRUNG TÂM QUY HOẠCH VÀ ĐIỀU TRA TÀI NGUYÊN NƯỚC QUỐC GIA

**BẢN TIN THÔNG BÁO, DỰ BÁO VÀ CẢNH BÁO
TÀI NGUYÊN NƯỚC DƯỚI ĐẤT
LƯU VỰC SÔNG GIANH
THÁNG 11 NĂM 2025**

HÀ NỘI, THÁNG 11/2025

Chịu trách nhiệm nội dung: Trung tâm Cảnh báo và Dự báo tài nguyên nước
Địa chỉ: số 10 ngõ 42 Trần Cung, Nghĩa Đô, Hà Nội; ĐT: 024 32665006; Fax: 02437560034
Website: cewafo.gov.vn; Email: vt_ttcdbtnn@mae.gov.vn

MỤC LỤC

I. LỜI GIỚI THIỆU	3
II. THÔNG BÁO, DỰ BÁO, CẢNH BÁO TÀI NGUYÊN NƯỚC.....	5
2.1. Thông báo tình hình tài nguyên nước dưới đất.....	5
2.1.1. Mức nước	5
2.1.2. Chất lượng nước.....	13
2.2. Dự báo tài nguyên nước dưới đất.....	14
2.2.1. Tầng chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Holocen (qh)	14
2.2.2. Tầng chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Pleistocen (qp).....	14
2.2.3. Tầng chứa nước khe nứt trong đá trầm tích lục nguyên Devon dưới (d ₁)	15
2.3. Cảnh báo tài nguyên nước dưới đất	16
III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ.....	16
PHỤ LỤC	17

I. LỜI GIỚI THIỆU

Bản tin thông báo, dự báo và cảnh báo tài nguyên nước dưới đất trên lưu vực sông Gianh được biên soạn hàng tháng nhằm cung cấp các thông tin về mực nước, chất lượng nước dưới đất nhằm phục vụ công tác quản lý Nhà nước về quy hoạch và quản lý tài nguyên nước trên phạm vi lưu vực.

Lưu vực sông Gianh chảy qua địa phận tỉnh Quảng Trị, với diện tích lưu vực là 4.680km². Trong khu vực này mùa khô từ tháng 1 đến tháng 8, mùa mưa từ tháng 9 đến tháng 12. Tài nguyên nước dưới đất lưu vực sông bao gồm 3 tầng chứa nước là tầng chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Holocen (qh), tầng chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Pleistocen (qp) và tầng chứa nước khe nứt trong đá trầm tích lục nguyên Devon dưới (d₁). Tổng tài nguyên nước dự báo cho các tầng chứa nước qh là 643.460 m³/ngày, tầng chứa nước qp là 220.470 m³/ngày và tầng chứa nước d₁ là 42.764,3 m³/ngày.

Nội dung chính của bản tin tháng bao gồm: Thông báo mực nước dưới đất trung bình tháng 10 và chất lượng nước mùa khô năm 2025; dự báo mực nước dưới đất trung bình tháng 11 tại ba tầng chứa nước cho toàn lưu vực sông, đưa ra những cảnh báo mực nước trung bình tháng, chất lượng nước trong phạm vi 24 công trình quan trắc tài nguyên nước dưới đất do Trung tâm Quy hoạch và Điều tra tài nguyên nước quốc gia quản lý và vận hành.

Để Bản tin đáp ứng được các yêu cầu quản lý tài nguyên nước ngày một tốt hơn, các ý kiến đóng góp xin gửi về: Trung tâm Quy hoạch và Điều tra tài nguyên nước quốc gia.

Địa chỉ: Số 10 ngõ 42 phố Trần Cung, phường Nghĩa Đô, Thành phố Hà Nội.

Email: dttnnddat@mae.gov.vn

Bản tin được đăng tải tại Website: nawapi.gov.vn; cewafo.gov.vn

Trong tháng 10 mực nước dưới đất trung bình có xu thế dâng tại tầng chứa nước qh, tầng qp và tầng d₁. Chất lượng nước tốt và ít biến động trong các tầng chứa nước.

Dự báo mực nước dưới đất trung bình tháng 11 so với mực nước quan trắc tháng 10 có xu thế không rõ ràng tại cả ba tầng.

Các công trình thuộc lưu vực sông thời điểm hiện tại chưa có công trình nào có độ sâu mực nước cần phải cảnh báo. Nước trong lưu vực sông thuộc loại nước nhạt đến mặn, công trình có độ mặn phân bố trong tầng chứa nước qp ở huyện ven biển tỉnh Quảng Trị, tại một số công trình có thông số Mn, Pb và NH₄⁺ vượt GTGH theo QCVN 09:2023/BTNMT.

Chi tiết xem nội dung bản tin./.

II. THÔNG BÁO, DỰ BÁO, CẢNH BÁO TÀI NGUYÊN NƯỚC

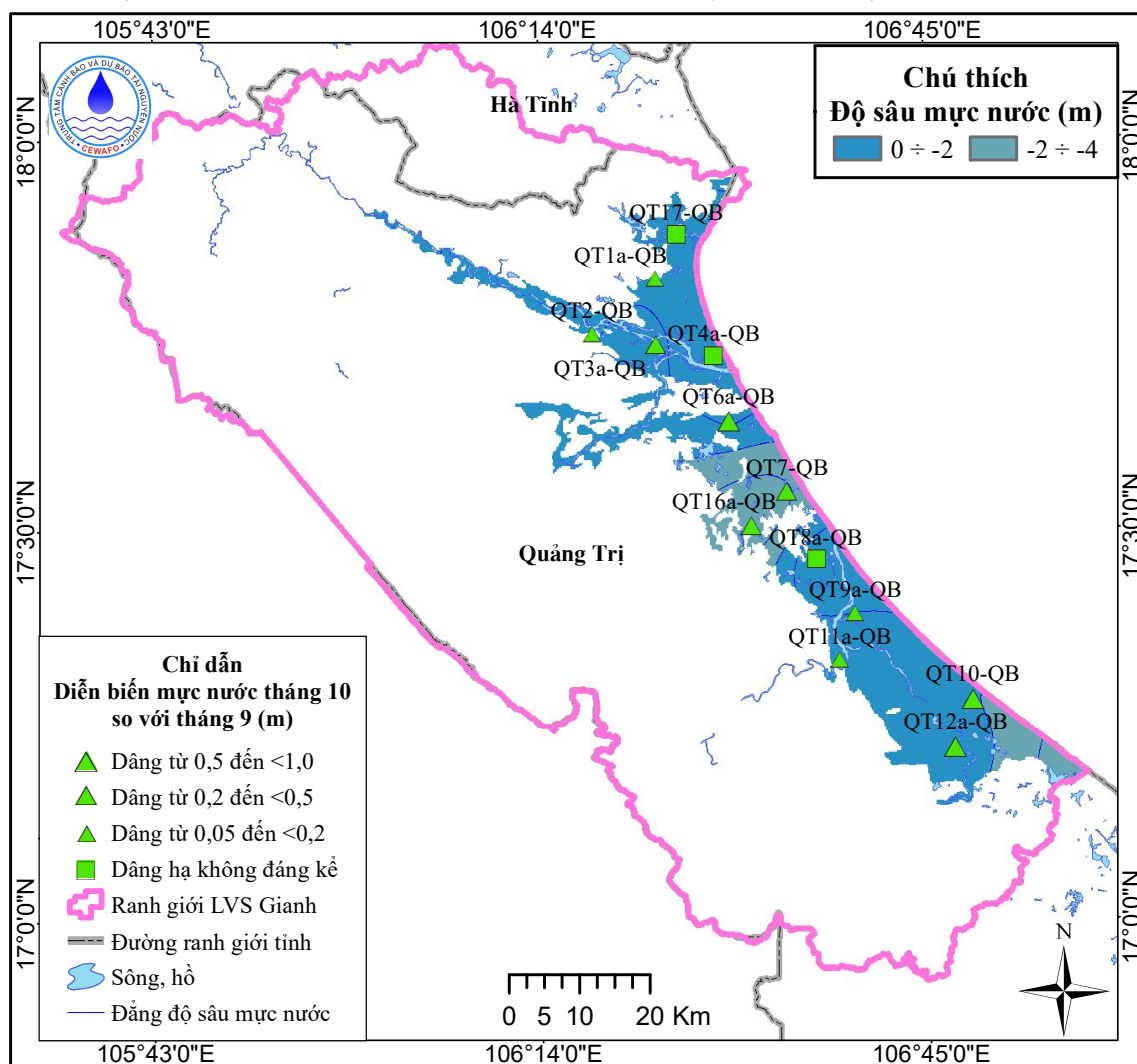
2.1. Thông báo tình hình tài nguyên nước dưới đất

2.1.1. Mục nước

2.1.1.1. Tầng chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Holocene (qh)

Diễn biến mực nước dưới đất trung bình tháng 10 so với tháng 9 có xu thế dâng, có 10/13 công trình mực nước dâng, 3/13 công trình mực nước dâng hạ không đáng kể. Giá trị dâng cao nhất là 0,83m tại xã Đông Trạch (QT6a-QB).

Trong tháng 10: Mực nước trung bình tháng nông nhất là -0,14m tại xã Hoà Trạch (QT17-QB) và sâu nhất là -3,61m tại xã Nam Trạch (QT16a-QB).



Hình 1. Sơ đồ diễn biến mực nước tháng 10 tầng qh

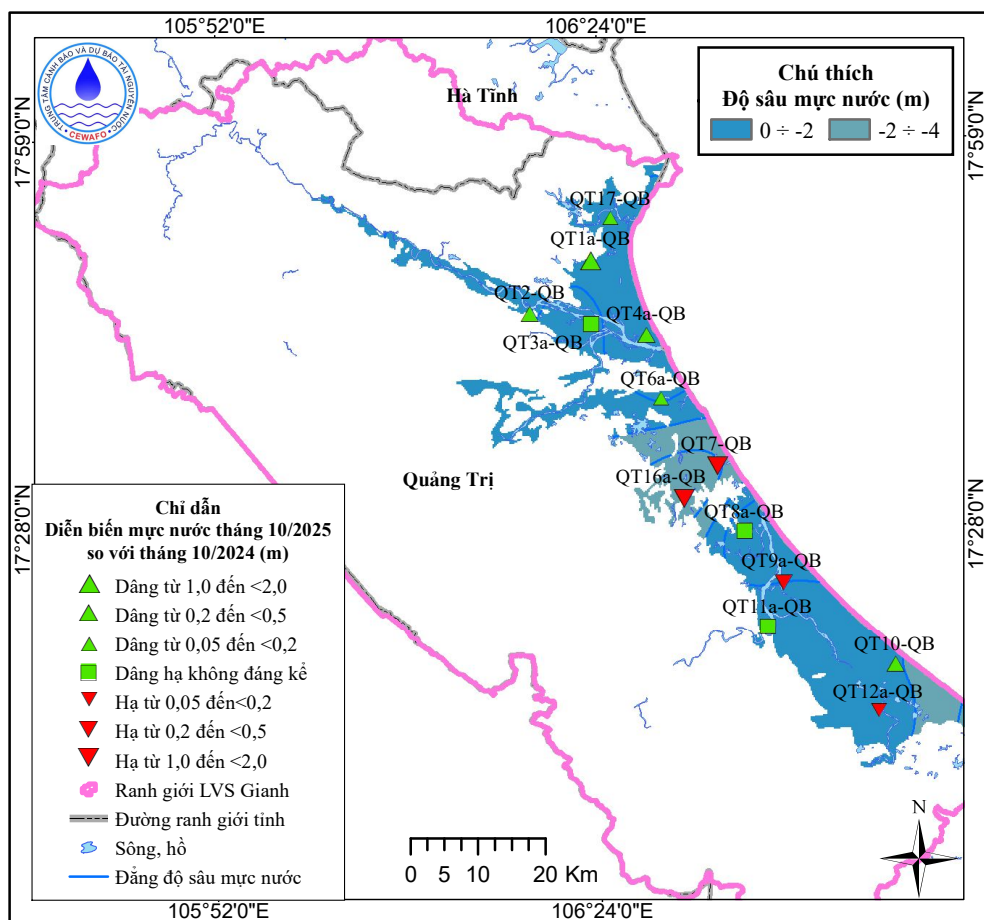
Diễn biến mực nước dưới đất trung bình tháng 10 so với cùng thời điểm 1 năm và 5 năm trước cho thấy mực nước hạ thấp nhất lần lượt là 1,59m và 1,27m tại xã Nam Trạch. Chi tiết được thể hiện trong các bảng và hình sau:

Bảng 1. Mức nước TB tháng cực trị qua các thời kỳ

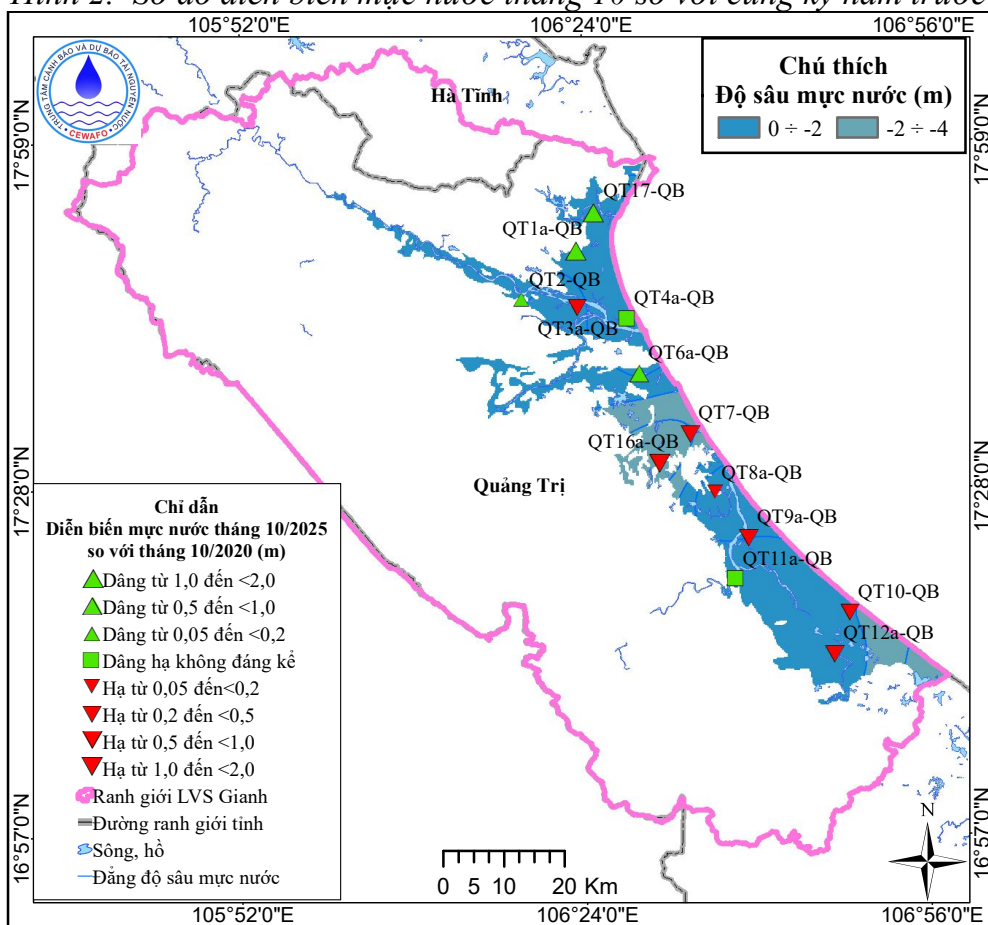
Thời gian	Mức nước TB tháng sâu nhất		Mức nước TB tháng nông nhất	
	Giá trị (m)	Địa điểm	Giá trị (m)	Địa điểm
Tháng 10	-3,61	xã Nam Trạch (QT16a-QB)	-0,14	xã Hoà Trạch (QT17-QB)
1 năm trước (2024)	-2,39	xã Cam Hồng (QT10-QB)	-0,17	phường Đồng Hới (QT8a-QB)
5 năm trước (2020)	-2,46	xã Hoàn Lão (QT7-QB)	-0,01	phường Đồng Hới (QT8a-QB)

Bảng 2. Giá trị dâng, hạ mức nước cực trị qua các thời kỳ

Thời gian	Xu thế chính	Giá trị hạ thấp nhất		Giá trị dâng cao nhất	
		Giá trị (m)	Địa điểm	Giá trị (m)	Địa điểm
1 năm trước (2024)	Dâng	1,59	xã Nam Trạch (QT16a-QB)	1,04	xã Trung Thuần (QT1a-QB)
5 năm trước (2020)	Hạ	1,27	xã Nam Trạch (QT16a-QB)	1,62	xã Hoà Trạch (QT17-QB)



Hình 2. Sơ đồ diễn biến mực nước tháng 10 so với cùng kỳ năm trước

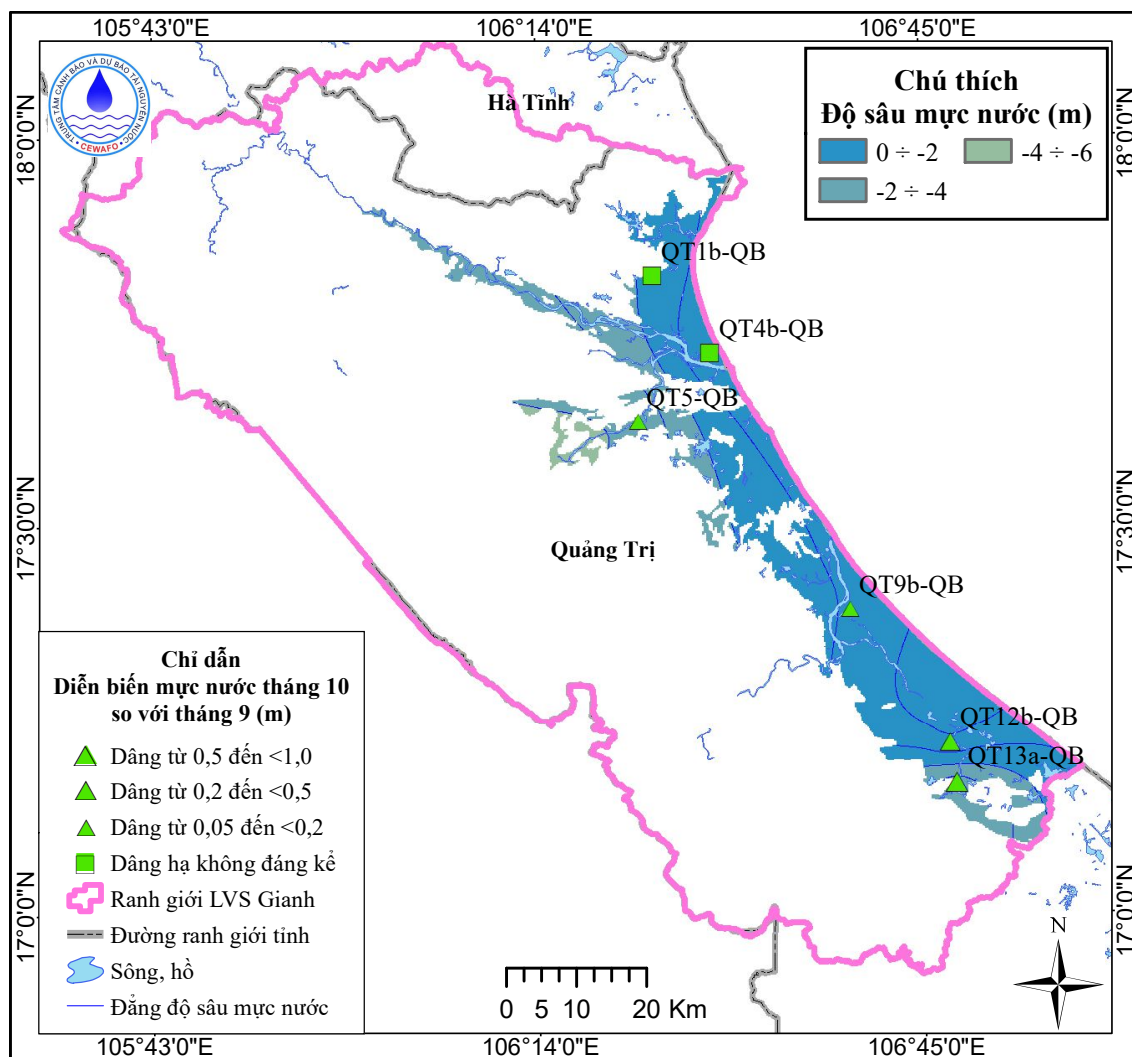


Hình 3. Sơ đồ diễn biến mực nước tháng 10 so với cùng kỳ 5 năm trước

2.1.1.2. Tầng chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Pleistocene (qp)

Diễn biến mực nước dưới đất trung bình tháng 10 so với tháng 9 có xu thế dâng, có 4/6 công trình mực nước dâng, 2/6 công trình mực nước hạ không đáng kể. Giá trị dâng cao nhất là 0,53m tại xã Trường Phú (QT13a-QB).

Trong tháng 10: Mực nước trung bình tháng nông nhất là -0,23m tại phường Bắc Gianh (QT4b-QB) và sâu nhất là -3,63m tại xã Bồ Trách (QT5-QB).



Hình 4. Sơ đồ diễn biến mực nước tháng 10 tầng qp

Diễn biến mực nước dưới đất trung bình tháng 10 so với cùng thời điểm 1 năm, 5 năm trước cho thấy mực nước hạ thấp nhất là 0,69m và 1,97m tại xã Trường Phú. Chi tiết được thể hiện trong các bảng và hình sau:

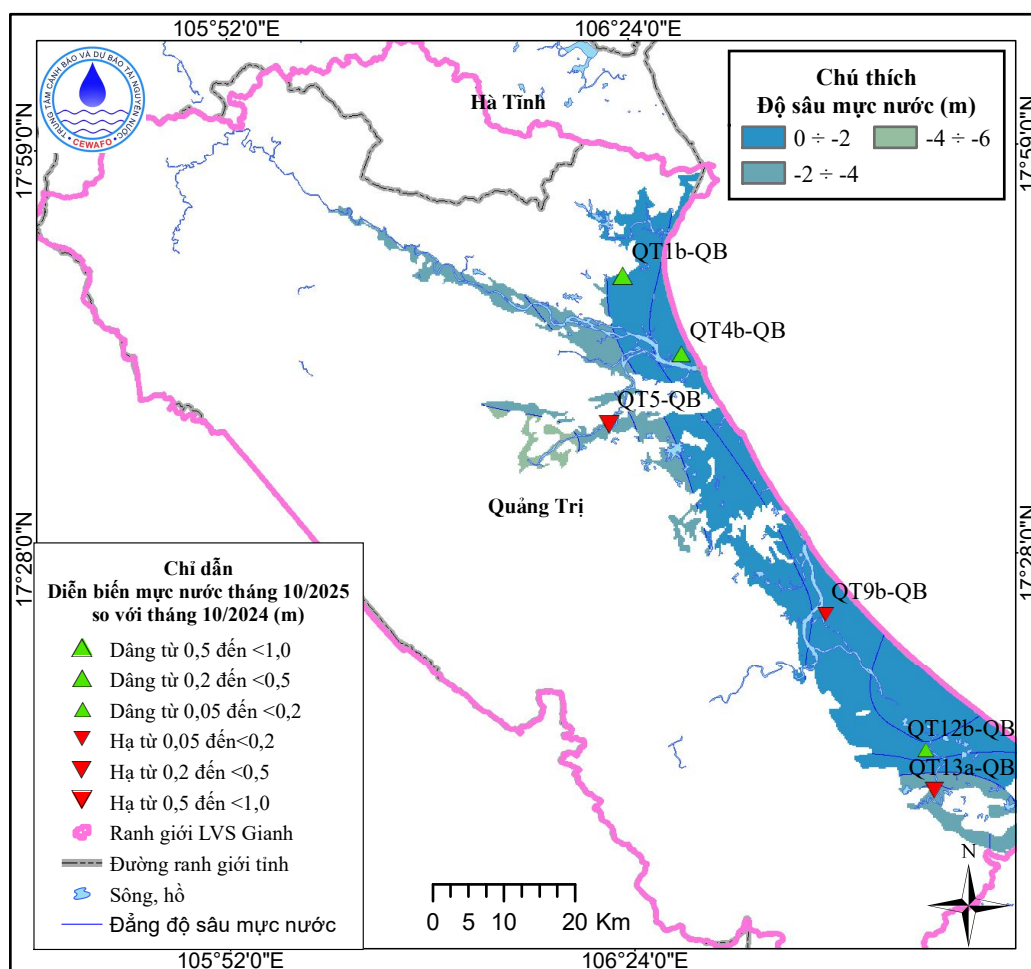
Bảng 3. Mực nước TB tháng cực trị qua các thời kỳ

Thời gian	Mực nước TB tháng sâu nhất		Mực nước TB tháng nông nhất	
	Giá trị (m)	Địa điểm	Giá trị (m)	Địa điểm
Tháng 10	-3,63	xã Bồ Trách (QT5-QB)	-0,23	phường Bắc Gianh (QT4b-QB)

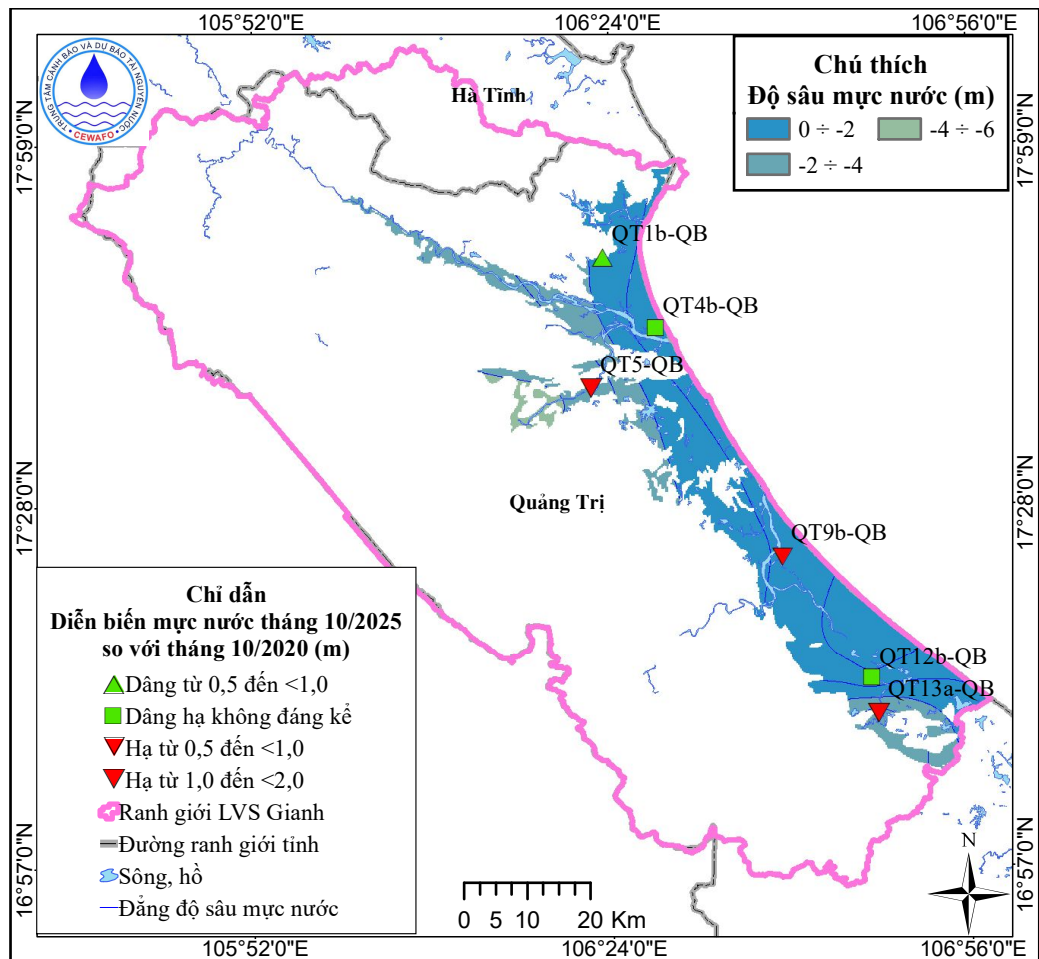
Thời gian	Mức nước TB tháng sâu nhất		Mức nước TB tháng nông nhất	
	Giá trị (m)	Địa điểm	Giá trị (m)	Địa điểm
1 năm trước (2024)	-3,13	xã Trường Phú (QT13a-QB)	-0,41	xã Lê Thuỷ (QT12b-QB)
5 năm trước (2020)	-2,6	xã Trung Thuận (QT1b-QB)	-0,24	phường Bắc Gianh (QT4b-QB)

Bảng 4. Giá trị dâng, hạ mức nước cực trị qua các thời kỳ

Thời gian	Xu thế chính	Giá trị hạ thấp nhất		Giá trị dâng cao nhất	
		Giá trị (m)	Địa điểm	Giá trị (m)	Địa điểm
1 năm trước (2024)	Dâng	0,69	xã Bồ Trạch (QT5-QB)	0,74	xã Trung Thuận (QT1b-QB)
5 năm trước (2020)	Hạ	1,97	xã Trường Phú (QT13a-QB)	0,83	xã Trung Thuận (QT1b-QB)



Hình 5. Sơ đồ diễn biến mực nước dưới đất tháng 10 so với cùng kỳ năm trước



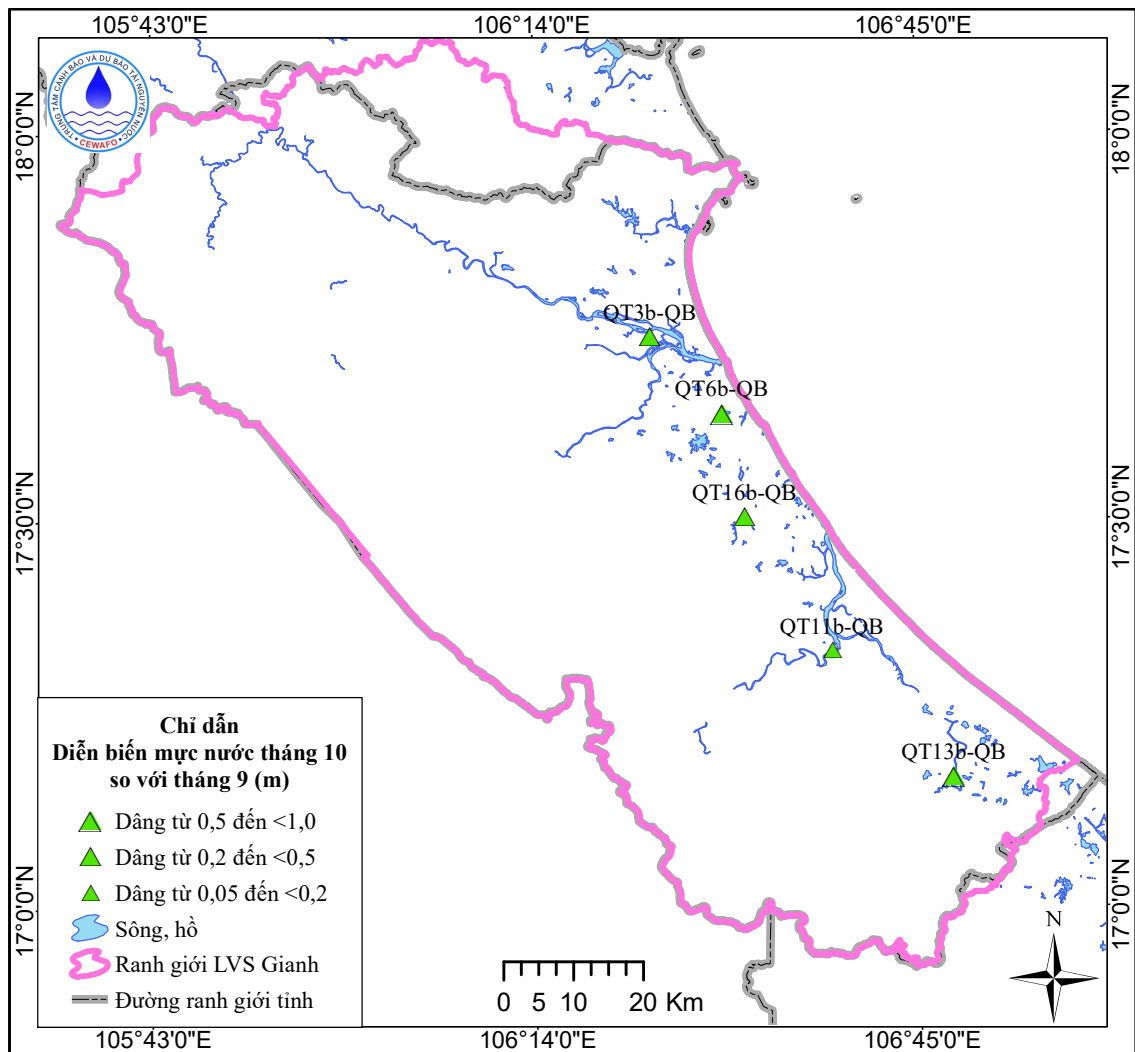
Hình 6. Sơ đồ diễn biến mực nước dưới đất tháng 10 so với cùng kỳ 5 năm trước

2.1.1.3. Tầng chứa nước khe nứt trong đá trầm tích lục nguyên Devon dưới

(d₁)

Diễn biến mực nước dưới đất trung bình tháng 10 so với tháng 9 có xu thế dâng, có 5/5 công trình mực nước dâng. Giá trị dâng cao nhất là 0,37m tại xã Đông Trạch (QT6b-QB).

Trong tháng 10: Mực nước trung bình tháng nông nhất là -1,54m tại xã Trường Ninh (QT11b-QB) và sâu nhất là -3,38m tại xã Nam Trạch (QT16b-QB).



Hình 7. Sơ đồ diễn biến mực nước tháng 10 tăng d_1

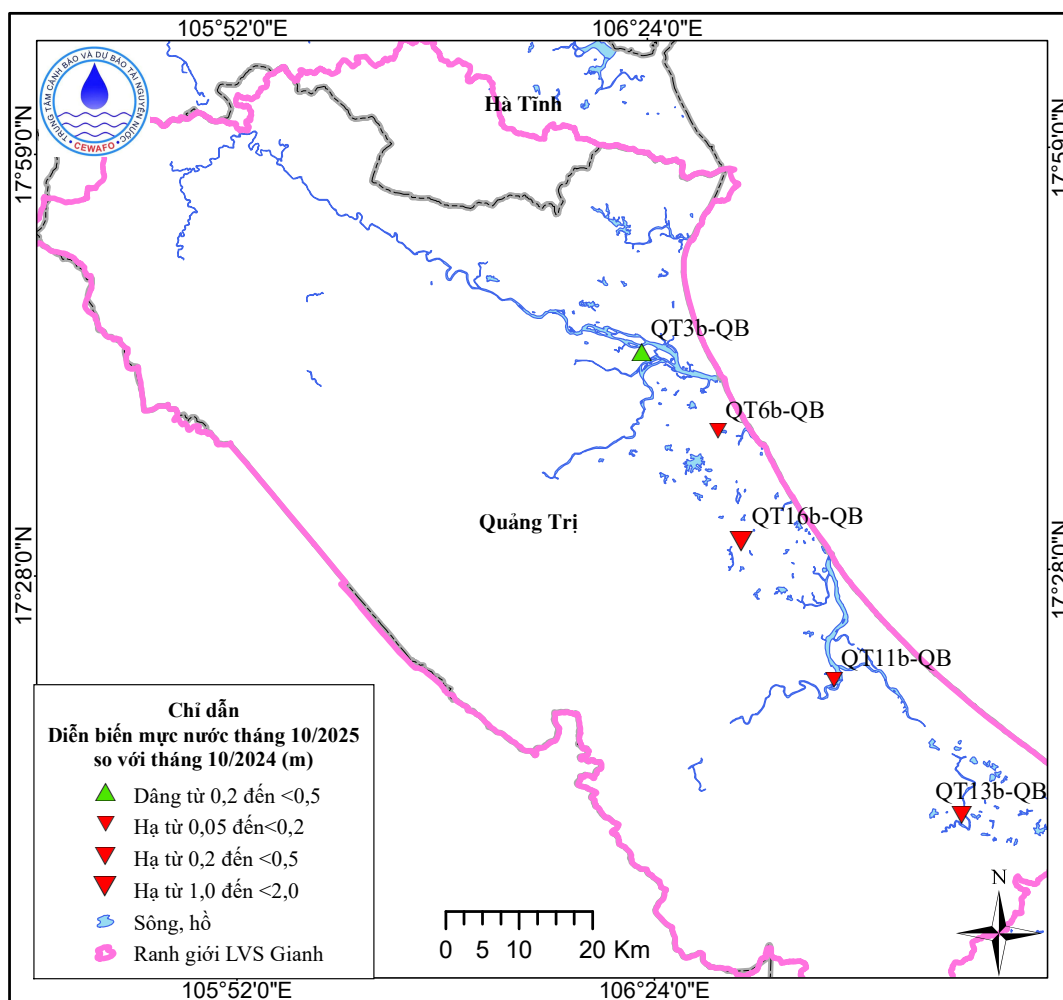
Diễn biến mực nước dưới đất trung bình tháng 10 so với cùng thời điểm 1 năm, 5 năm trước cho thấy mực nước hạ thấp nhất là 1,51m và 1,23m tại xã Trường Phú. Chi tiết được thể hiện trong các bảng và hình sau:

Bảng 5. Mực nước TB tháng cực trị qua các thời kỳ

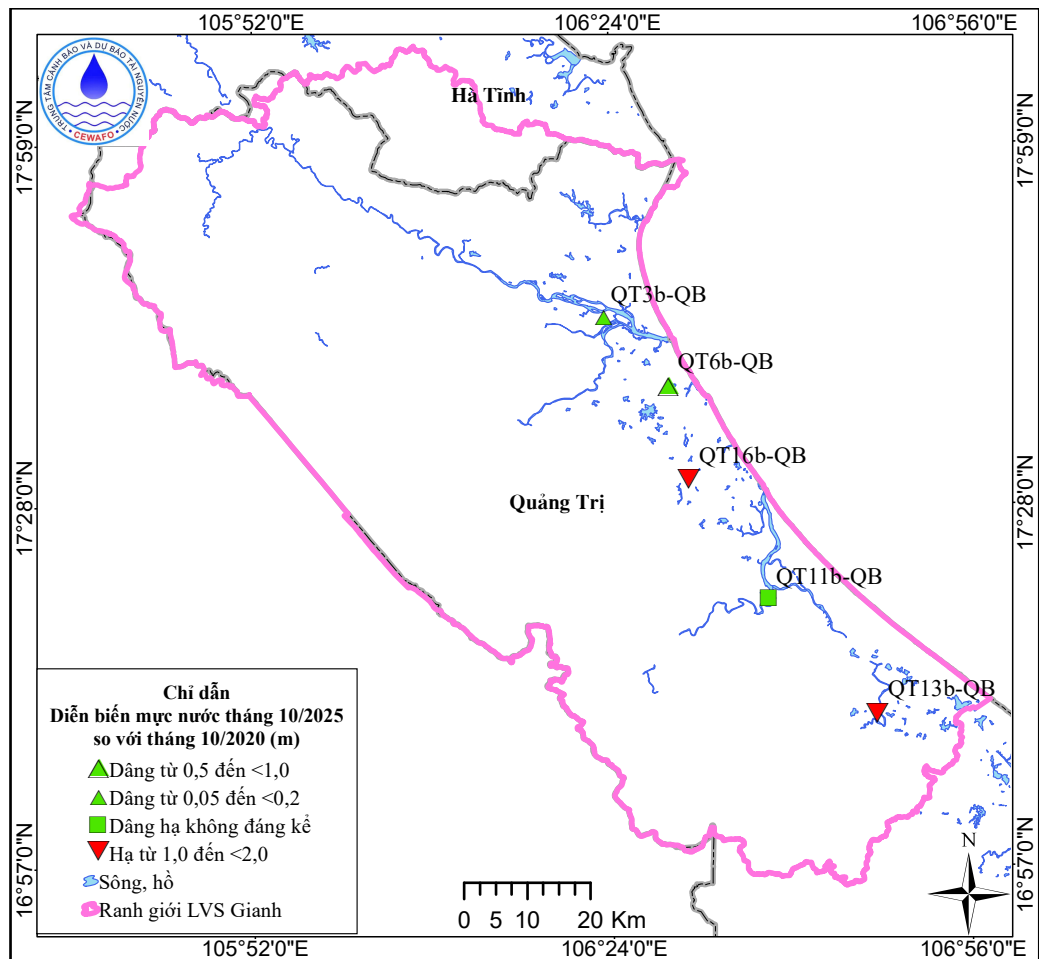
Thời gian	Mực nước TB tháng sâu nhất		Mực nước TB tháng nông nhất	
	Giá trị (m)	Địa điểm	Giá trị (m)	Địa điểm
Tháng 10	-3,38	xã Nam Trạch (QT16b-QB)	-1,54	xã Trường Ninh (QT11b-QB)
1 năm trước (2024)	-2,35	xã Trường Phú (QT13b-QB)	-1,45	xã Trường Ninh (QT11b-QB)
5 năm trước (2020)	-2,65	xã Đông Trạch (QT6b-QB)	-1,42	xã Trường Phú (QT13b-QB)

Bảng 6. Giá trị dâng, hạ mực nước cực trị qua các thời kỳ

Thời gian	Xu thế chính	Giá trị hạ thấp nhất		Giá trị dâng cao nhất	
		Giá trị (m)	Địa điểm	Giá trị (m)	Địa điểm
1 năm trước (2024)	Hạ	1,51	xã Nam Trạch (QT16b-QB)	0,37	xã Nam Gianh (QT3b-QB)
5 năm trước (2020)	Dâng	1,23	xã Nam Trạch (QT16b-QB)	0,55	xã Đông Trạch (QT6b-QB)



Hình 8. Sơ đồ diễn biến mực nước dưới đất tháng 10 so với cùng kỳ năm trước



Hình 9. Sơ đồ diễn biến mực nước dưới đất tháng 10 so với cùng kỳ 5 năm trước

2.1.2. Chất lượng nước

2.1.2.1. Tầng chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Holocen (qh)

Theo kết quả phân tích chất lượng nước mùa khô năm 2025 được đánh giá theo QCVN 09:2023/BTNMT tại lưu vực sông cho thấy nước trong tầng thuộc loại nước nhạt. Đa số các thông số nằm trong giá trị giới hạn (GTGH), tuy nhiên một số thông số vượt như: Mangan vượt lớn nhất tại công trình xã Nam Ba Đồn (QT2-QB); Chì vượt tại công trình phường Đồng Hới (QT8a-QB); Amoni vượt tại công trình xã Nam Gianh (QT3a-QB).

2.1.2.2. Tầng chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Pleistocen (qp)

Theo kết quả phân tích chất lượng nước mùa khô năm 2025 được đánh giá theo QCVN 09:2023/BTNMT tại lưu vực sông cho thấy nước trong tầng thuộc loại nước nhạt đến mặn. Công trình mặn phân bố tại phường Bắc Gianh (QT4b-QB). Các thông số vi lượng và Amoni nằm trong giá trị giới hạn (GTGH).

2.1.2.3. Tầng chứa nước khe nứt trong đá trầm tích lục nguyên Devon dưới (d₁)

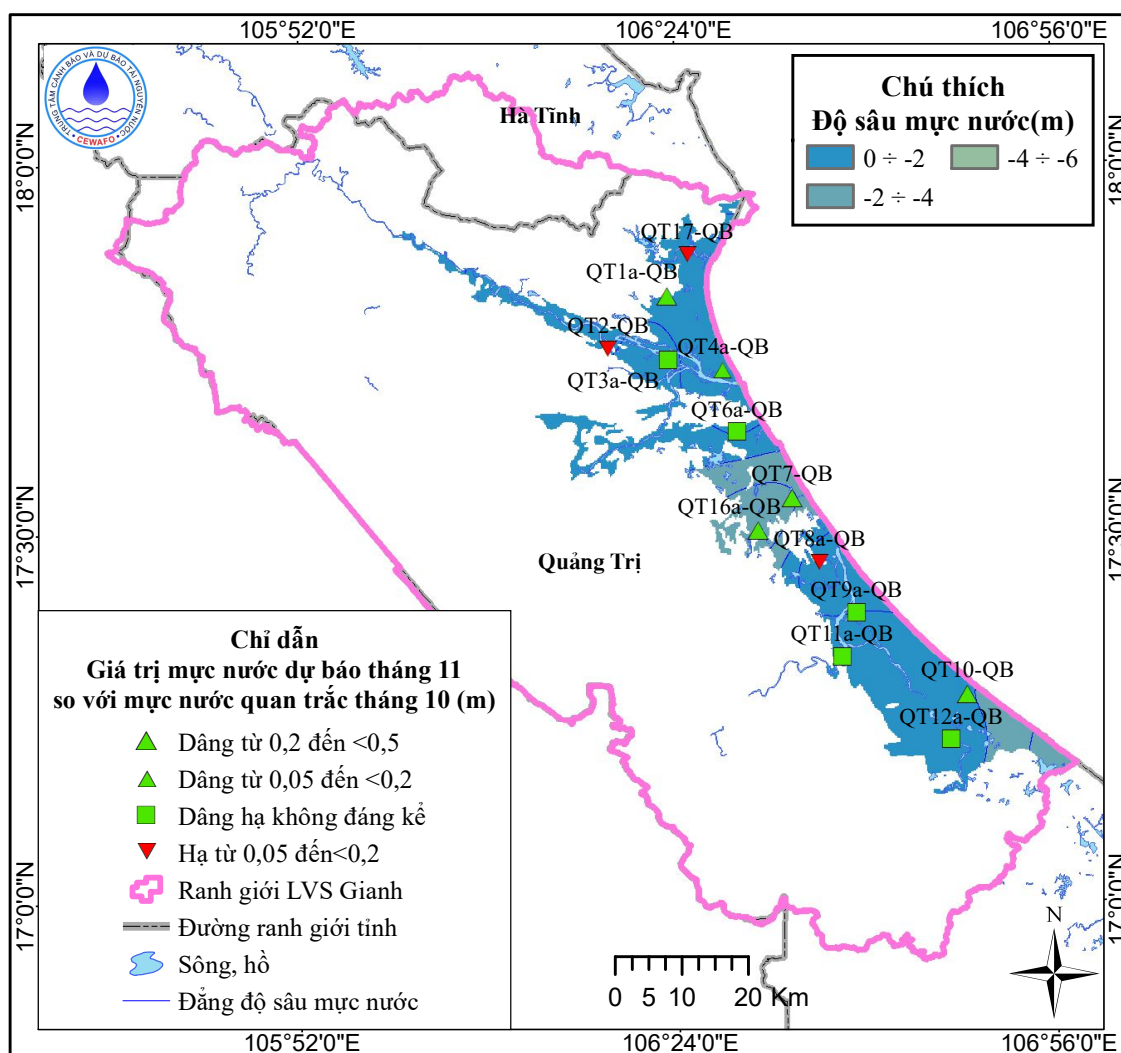
Theo kết quả phân tích chất lượng nước mùa khô năm 2025 được đánh giá theo QCVN 09:2023/BTNMT tại lưu vực sông cho thấy nước trong tầng thuộc loại nước nhạt

đến mặn. Công trình mặn phân bố tại xã Nam Gianh (QT3b-QB) và xã Trường Ninh (QT11b-QB). Các thông số vi lượng và Amoni nằm trong giá trị giới hạn (GTGH).

2.2. Dự báo tài nguyên nước dưới đất

2.2.1. Tầng chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Holocen (qh)

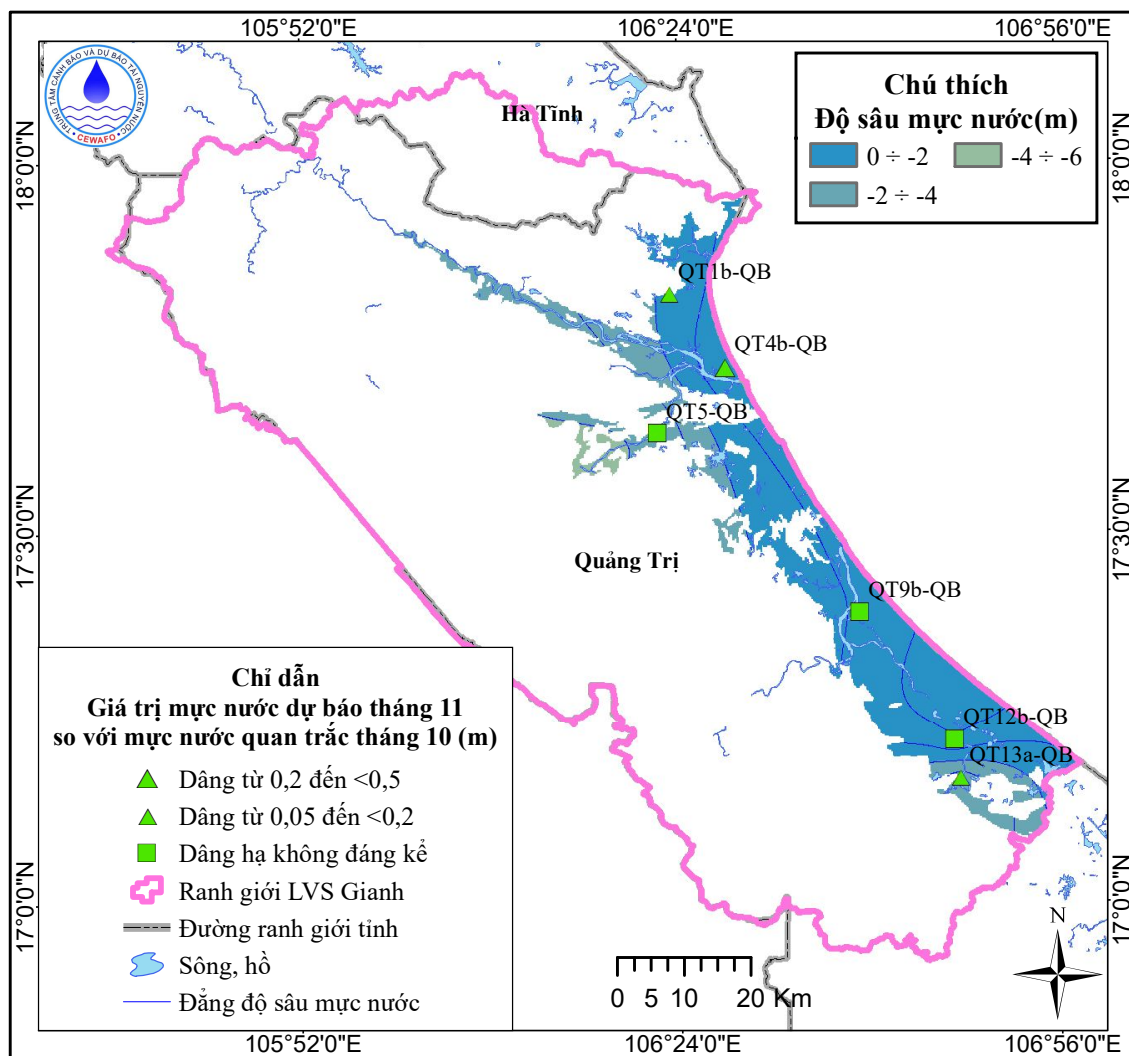
Diễn biến mực nước dưới đất dự báo tháng 11 so với mực nước quan trắc tháng 10 có xu thế dâng, có 5/13 công trình mực nước dâng, 5/13 công trình mực nước dâng hạ không đáng kể và 3/13 công trình mực nước hạ. Mực nước dâng từ 0,2 đến 0,5m tập trung ở xã Trung Thuần, xã Hoàn Lão, xã Cam Hồng, xã Nam Trạch và mực nước hạ từ 0,05 đến 0,2m tập trung ở xã Nam Ba Đồn, phường Đồng Hới, xã Hoà Trạch .



Hình 10. Sơ đồ dự báo mực nước tầng qh

2.2.2. Tầng chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Pleistocen (qp)

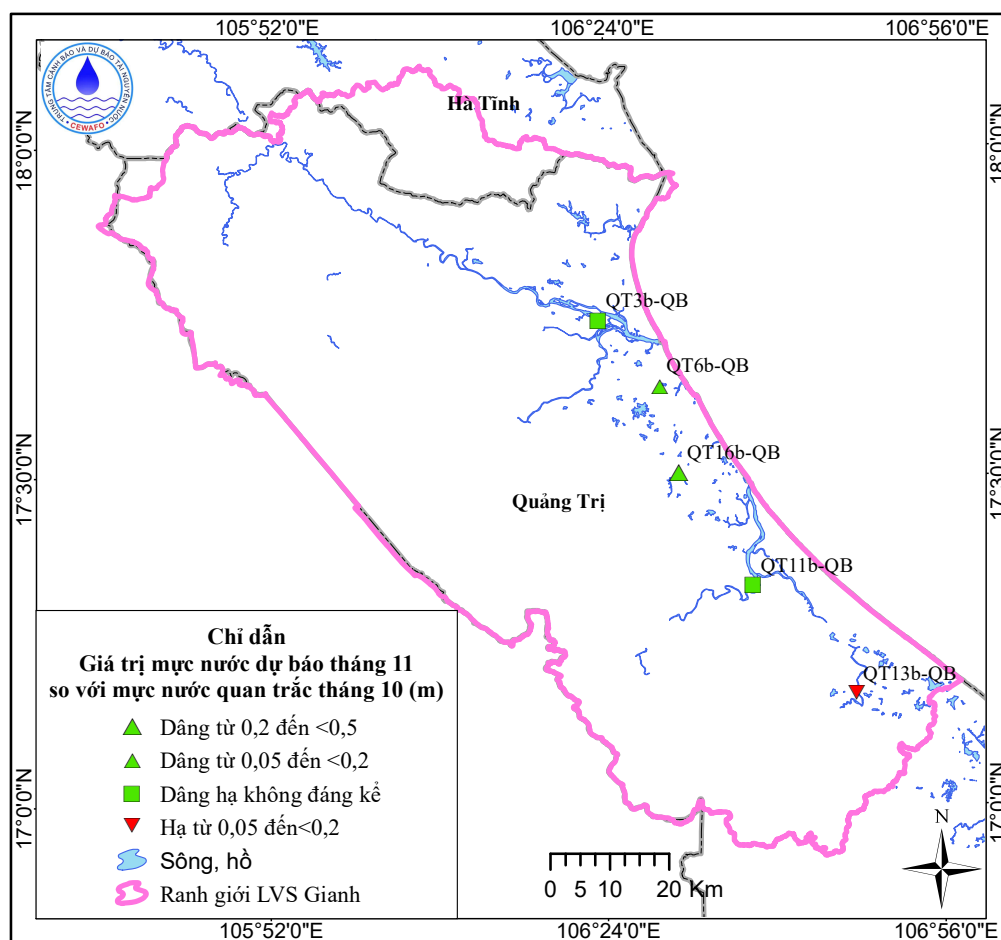
Diễn biến mực nước dưới đất dự báo tháng 11 so với mực nước quan trắc tháng 10 có xu thế dâng, có 3/6 công trình mực nước dâng, 3/6 công trình mực nước dâng hạ không đáng kể. Mực nước dâng từ 0,2 đến 0,5m tập trung ở phường Bắc Gianh.



Hình 11. Sơ đồ dự báo mực nước tầng q_p

2.2.3. Tầng chứa nước khe nứt trong đá trầm tích lục nguyên Devon dưới (d₁)

Diễn biến mực nước dưới đất dự báo tháng 11 so với mực nước quan trắc tháng 10 có xu thế dâng, có 2/5 công trình mực nước dâng, 2/5 công trình mực nước dâng hạ không đáng kể và 1/5 công trình mực nước hạ. Mực nước dâng từ 0,2 đến 0,5m tập trung ở xã Nam Trạch và mực nước hạ từ 0,05 đến 0,2m ở xã Trường Phú.



Hình 12. Sơ đồ dự báo mực nước tầng d₁

2.3. Cảnh báo tài nguyên nước dưới đất

Theo Điều 32 của Nghị định 53/2024/NĐ-CP về xác định ngưỡng khai thác nước dưới đất, trong lưu vực sông Gianh thời điểm hiện tại chưa có công trình nào có độ sâu mực nước cần phải cảnh báo.

III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

Hiện tại, trên phạm vi lưu vực sông Gianh chưa có công trình thuộc diện phải cảnh báo, để đảm bảo khai thác ổn định, cần theo dõi chặt chẽ diễn biến mực nước dưới đất trong các tầng chứa nước trong lưu vực sông và các bản tin dự báo tiếp theo để phục vụ quản lý, khai thác hiệu quả nguồn nước dưới đất.

Đa số các thông số chất lượng nước trên lưu vực sông nằm trong giới hạn cho phép theo QCVN 09:2023/BTNMT. Tuy nhiên một số công trình có thông số vượt GTGH, tập trung ở tầng chứa nước Holocen (qh). Các thông số vượt chủ yếu bao gồm độ mặn, Mangan, Chì và Amoni. Một số khu vực đáng chú ý gồm:

+ Tầng qh: Mangan vượt lớn nhất tại xã Nam Ba Đồn (QT2-QB); Chì vượt tại phường Đồng Hới (QT8a-QB); Amoni vượt tại xã Nam Gianh (QT3a-QB).

Đề nghị các cơ quan chức năng ở trung ương và địa phương:

- Rà soát, cập nhật thông tin chất lượng nước tại các khu vực trên;
- Kịp thời ban hành cảnh báo và hướng dẫn người dân sử dụng nước an toàn.

PHỤ LỤC
GIÁ TRỊ GIỚI HẠN CÁC THÔNG SỐ CHẤT LƯỢNG NƯỚC DƯỚI ĐẤT
(QCVN 09:2023/BTNMT)

	TT	Thông số	Đơn vị	Giá trị giới hạn
Thông số cơ bản	1	pH	-	5,8 - 8,5
	2	Tổng Coliform	MPN hoặc CFU/100ml	3
	3	Nitrate (NO_3^- tính theo Nito)	mg/l	15
	4	Amoni (NH_4^+ tính theo Nito)	mg/l	1
	5	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	mg/l	1500
	6	Độ cứng (tính theo CaCO_3)	mg/l	500
	7	Arsenic (As)	mg/l	0,05
	8	Chloride (Cl^-)	mg/l	250
Thông số ảnh hưởng sức khỏe con người	9	Nitrite (NO_2^- tính theo Nito)	mg/l	1
	10	Fluoride (F^-)	mg/l	1
	11	Sulfate (SO_4^{2-})	mg/l	400
	12	Cadmi (Cd)	mg/l	0,005
	13	Cyanide (CN^-)	mg/l	0,01
	14	Thủy ngân (Hydrargyrum) (Hg)	mg/l	0,001
	15	Chì (Plumbum) (Pb)	mg/l	0,01
	16	Tổng Chromi (Cr)	mg/l	0,05
	17	Đồng (Cuprum) (Cu)	mg/l	1
	18	Kẽm (Zincum) (Zn)	mg/l	3
	19	Nickel (Ni)	mg/l	0,02
	20	Mangan (Mn)	mg/l	0,5
	21	Sắt (Ferrum) (Fe)	mg/l	5
	22	Seleni (Se)	mg/l	0,01
	23	Aldrin ($\text{C}_{12}\text{H}_8\text{Cl}_6$)	mg/l	0,0001
	24	Lindane ($\text{C}_6\text{H}_6\text{Cl}_6$)	mg/l	0,00002
	25	Dieldrin ($\text{C}_{12}\text{H}_8\text{Cl}_6\text{O}$)	mg/l	0,0001
	26	Tổng DDT (1,1'-(2,2,2-Trichloroethane-1,1-diyl) bis (4-chlorobenzene) ($\text{C}_{14}\text{H}_9\text{Cl}_5$)	mg/l	0,001
	27	Heptachlor & Heptachlorepoxyde ($\text{C}_{10}\text{H}_5\text{Cl}_7$ & $\text{C}_{10}\text{H}_5\text{Cl}_7\text{O}$)	mg/l	0,001
	28	Diazinon ($\text{C}_{12}\text{H}_{21}\text{N}_2\text{O}_3\text{PS}$)	mg/l	0,02
	29	Parathion ($\text{C}_{10}\text{H}_{14}\text{NO}_5\text{PS}$)	mg/l	0,06
	30	Phenol ($\text{C}_6\text{H}_5\text{OH}$)	mg/l	0,001
	31	Tổng hoạt độ phóng xạ α	Bq/l	0,1
	32	Tổng hoạt độ phóng xạ β	Bq/l	1
	33	E. Coli	MPN hoặc CFU/100ml	Không phát hiện